SAO Y
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước
Thời gian ký: 11/03/2022 10:43:42 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 453 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 11 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Đồng Xoài (đợt 01)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Công văn số 2880/UBND-KGVX ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền ban hành quyết định hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid -19;

Theo đề nghị của thành phố Đồng Xoài tại Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2022 và ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 352/TTr-SLĐTBXH ngày 04 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc do bị cách ly y tế trên địa bàn thành phố Đồng Xoài (đợt 01), có danh sách kèm theo, cụ thể như sau:

- Tổng số người được hỗ trợ: 148 người.

- Tổng kinh phí hỗ trợ: 270.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu VT, KGVX.

TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Huỳnh Thị Thùy Trang

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC ĐƯỢC HỖ TRỢ KINH PHÍ DO BỊ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI ĐỢT 1

(Kèm theo Quyết định số: 453 /QĐ-UBND ngày 11 /3/2022 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Số CMT/ Thẻ CCCD	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại HĐLD	Số sổ BHXH	Thời gian ngừng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Thông tin về đối tượng hỗ trợ bổ sung					Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tài khoản Ngân hàng (nếu có)			Ghi chú
							Đang mang thai	Thông tin của con dưới 06 tuổi		Thông tin của vợ hoặc chồng			Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
								Họ tên	Năm sinh	Họ tên	Số CMT/ Thẻ CCCD					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
A	**NGỪNG VIỆC DO NẰM TRONG KHU VỰC PHONG TOẢ, CÁCH LY Y TẾ ĐỂ PHÒNG CHỐNG DỊCH**															
I	**NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT CHI NHÁNH BINH PHƯỚC**											**6.000.000**				
1	Dào Thị Cẩm Vân	070193000783	Phòng Giao dịch Phú Riềng - Chi nhánh Bình Phước	Không xác định thời hạn	7015010289	10/7/2021-25/7/2021						1.000.000	Dào Thị Cẩm Vân	002343059999	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt CN. Bình Phước	Theo Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 10/7/2021 và xác nhận của UBND Tân Bình
2	Dường Thương Trung	241288092	Phòng Kế toán Ngân quỹ - Chi nhánh Bình Phước	Không xác định thời hạn	0114041078	11/7/2021-25/7/2021						26/11/4637	Dường Thương Trung	006703660002	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt CN. Bình Phước	Theo Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 11/7/2021 của UBND xã Đồng Tiến
3	Phạm Thị Mai Hương	285889060	Phòng Hỗ trợ hoạt động - Chi nhánh Bình Phước	Không xác định thời hạn	7014010446	27/7/2021-09/8/2021	X	Nguyễn Kim Ngân	2020	Nguyễn Bá Khiêu	285102302	3.000.000	Phạm Thị Mai Hương	000578120002	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Bình Phước	2137/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND TP. Đồng Xoài, và Phiếu xác nhận hoàn thành phong toả cách ly tạm thời của UBND xã Tiến Hưng

4	Phạm Minh Huấn	285218602	Phòng Giao dịch Phú Riềng - Chi nhánh Bình Phước	Không xác định thời hạn	7021848558	01/8/2021-15/8/2021						1.000.000	Phạm Minh Huấn	016314820001	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Bình Phước	Theo Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 01/8/2021 của UBND xã Phú Riềng
II	**BƯU ĐIỆN TỈNH BÌNH PHƯỚC**											**7.000.000**				
1	Trần Thị Lương	042189004133	Bưu điện huyện Chơn Thành	không xác định thời hạn	DN47074132 92984	30/6/2021 - 20/7/2021	X	Nguyễn Dài An	02/02/2016	Nguyễn Sỹ Thắng	042086003178	4.000.000	Trần Thị Lương	018128530002	Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	Theo Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND thị trấn Chơn Thành
								Nguyễn Sỹ Gia Khánh	23/02/2019							
2	Lê Long Ấn	079094038731	Bưu điện huyện Chơn Thành	không xác định thời hạn	DN47070160 03676	09/7/2021 - 23/7/2021		Lê Thanh Trúc	21/6/2019	Nguyễn Thị Hà My	285557067	3.000.000	Lê Long Ấn	006842800001	Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	Theo Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của UBND xã Minh Thành
								Lê Thanh Phúc	19/4/2021							
B	**Người lao động bị ngừng việc do theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Công văn số 2353/UBND- NC ngày 14/7/2021 về thực hiện các biện pháp cấp bách vừa phòng, chống dịch vừa hoạt động sản xuất trong các khu công nghiệp.**															
I	**CÔNG TY TNHH SG VINA** **Ngành nghề SXKD: Sản xuất mặt bàn, mặt ghế, lưng ghế xuất khẩu**											**72.000.000**				
1	Nguyễn Thị Thanh Nga	285068587	VĂN PHÒNG	không xác định thời hạn	4706004675	16/7/2021-15/8/2021	X					2.000.000	Nguyễn Thị Thanh Nga	050025385621	Sacom bank	
2	Trương Minh Đông	285133269	VĂN PHÒNG	không xác định thời hạn	7011001445	16/7/2021-15/8/2021		Trương Khánh An	07/9/2016	Trần Thị Thu Ngọc	285227776	2.000.000	Trương Minh Đông	050025385702	Sacom bank	
3	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	285893779	VĂN PHÒNG	không xác định thời hạn	7012000253	16/7/2021-15/8/2021		Đặng Ngọc Quỳnh Lam	21/3/2017	Đặng Văn Tiến	285779061	2.000.000	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	050025385575	Sacom bank	
4	Nguyễn Thị Xuân Hoàng	285061732	VĂN PHÒNG	01/12/2020-01/12/2022	7010012671	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Xuân Hoàng	050068958481	Sacom bank	

5	Trần Thị Gái	038188020491	VĂN PHÒNG	15/4/2020-15/4/2022	7010010546	16/7/2021-15/8/2021		Trịnh Chí Công	23/9/2015	Trịnh Quang Đại	285128549	2.000.000	Trần Thị Gái	050103550057	Sacom bank	
6	Nguyễn Thị Kim Hoa	079170017299	VĂN PHÒNG	12/10/2020-12/10/2023	7021014090	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Kim Hoa	050080391924	Sacom bank	
7	Đặng Thị Trầm	285209782	QC	không xác định thời hạn	9207003454	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Đặng Thị Trầm	050004394612	Sacom bank	
8	Trương Thị Thảo	004186005382	QC	không xác định thời hạn	9207003455	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Trương Thị Thảo	050002909410	Sacom bank	
9	Trịnh Thị Tuyết Minh	280994537	QC	không xác định thời hạn	7010003983	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Trịnh Thị Tuyết Minh	050027608377	Sacom bank	
10	Hoàng Thị Trinh	285346060	QC	18/9/2020-18/9/2021 18/9/2021-18/9/2022	7011014355	16/7/2021-15/8/2021		Cao Hoàng Huyền Trân	24/4/2017	Cao Mạnh Tiến	285219500	2.000.000	Hoàng Thị Trinh	050025383416	Sacom bank	
11	Lê Thị Bích Kiên	285880751	KHO	không xác định thời hạn	7010010086	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Lê Thị Bích Kiên	050025383939	Sacom bank	
12	Phạm Văn Trang	040080001527	CƠ KHÍ	không xác định thời hạn	9207003407	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Phạm Văn Trang	050003386500	Sacom bank	
13	Hoàng Văn Nhân	285070980	CƠ KHÍ	28/3/2021-28/3/2023	7008007261	16/7/2021-15/8/2021		Hoàng Đỗ Hùng Vỹ	09/4/2016	Đỗ Thị Lệ Hằng	285197468	2.000.000	Hoàng Văn Nhân	050025405010	Sacom bank	
14	Nguyễn Đăng Dương	034084014671	CƠ KHÍ	02/12/2021-02/12/2022	7408011072	16/7/2021-15/8/2021		Nguyễn Lê Diệp Chi	23/3/2019	Lê Thị Liên	042185001347	2.000.000	Nguyễn Đăng Dương	050122815436	Sacom bank	
15	Nguyễn Ngọc Thắng	320747778	NAN	không xác định thời hạn	7012000800	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Nguyễn Ngọc Thắng	050025385761	Sacom bank	
16	Huỳnh Đăng Khoa	285102407	NAN	không xác định thời hạn	7013006303	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Huỳnh Đăng Khoa	050041539681	Sacom bank	
17	Hoàng Văn Tiến	285078022	NAN	không xác định thời hạn	7012000247	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Hoàng Văn Tiến	050025385834	Sacom bank	
18	Võ Thị Hằng	285666876	ĐÓNG GÓI	không xác định thời hạn	9207003449	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Võ Thị Hằng	050003777771	Sacom bank	
19	Hoàng Kim Thảo	285666504	ĐÓNG GÓI	không xác định thời hạn	7008001903	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Hoàng Kim Thảo	050002103378	Sacom bank	
20	Thị Nhanh	285781591	ĐÓNG GÓI	09/8/2019-09/8/2021 09/8/2021-09/8/2023	7016043724	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Thị Nhanh	050072394124	Sacom bank	
21	Nguyễn Mạnh Hà	034075011302	SƠN	30/04/2021-30/04/2022	9207003408	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Nguyễn Mạnh Hà	050004399517	Sacom bank	

22	Trần Thị Nhài	280655165	SƠN	không xác định thời hạn	9207003442	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Trần Thị Nhài	050002574834	Sacom bank	
23	Trương Thị Mai Hương	285456539	SƠN	14/6/2021-14/6/2022	7014010517	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Trương Thị Mai Hương	050118864589	Sacom bank	
24	Tạ Lệ Thủy	380758074	SƠN	14/8/2020-14/8/2021 14/8/2021-14/8/2022	9621878472	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Tạ Lệ Thủy	050120389065	Sacom bank	
25	Nguyễn Văn Hội	380915145	SƠN	13/5/2021-13/5/2022	7021036310	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Nguyễn Văn Hội	050127046082	Sacom bank	
26	Phạm Thị Tuyết	285464201	SƠN	10/5/2021-10/5/2023	7022256216	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Phạm Thị Tuyết	050087094623	Sacom bank	
27	Nguyễn Thị Kính	285756288	GIA CÔNG 2	không xác định thời hạn	7008001907	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Kính	050003278929	Sacom bank	
28	Đỗ Thị Ngoan	320680235	GIA CÔNG 2	không xác định thời hạn	7012000799	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Đỗ Thị Ngoan	050025384463	Sacom bank	
29	Nguyễn Thị Bích	285205632	GIA CÔNG 2	không xác định thời hạn	7015017280	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Bích	050050789710	Sacom bank	
30	Lê Thị Long	285892791	GIA CÔNG 2	không xác định thời hạn	7008001911	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Lê Thị Long	050002278399	Sacom bank	
31	Thị Nhung	285558827	GIA CÔNG 2	20/5/2020-20/5/2022	7021275142	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Thị Nhung	050104929041	Sacom bank	
32	Thị Ông	285784220	GIA CÔNG 2	20/5/2020-20/5/2022	7021838260	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Thị Ông	050089901771	Sacom bank	
33	Hoàng Thị Chuyền	241624941	GIA CÔNG 2	25/4/2021-25/4/2022	7416154262	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Hoàng Thị Chuyền	050126718907	Sacom bank	
34	Nguyễn Thị Kim Thủy	285890441	GIA CÔNG 2	08/5/2021-08/5/2022	6422998465	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Kim Thủy	050127046139	Sacom bank	
35	Chu Thị Thắm	285500549	GIA CÔNG 2	06/4/2021-06/4/2022	7014014799	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Chu Thị Thắm	050087106397	Sacom bank	
36	Đỗ Thị Hiền	285404200	GIA CÔNG 1	không xác định thời hạn	7008001932	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Đỗ Thị Hiền	050025387667	Sacom bank	
37	Trần Công Luận	285109010	GIA CÔNG 1	không xác định thời hạn	7008007984	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Trần Công Luận	050025383874	Sacom bank	
38	Trần Trọng Hiếu	084087001524	GIA CÔNG 1	không xác định thời hạn	9207003413	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Trần Trọng Hiếu	050003062901	Sacom bank	

39	Diểu Quốc Bình	285271919	GIA CÔNG 1	09/8/2019-09/8/2021 09/8/2021-09/8/2023	7015018344	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Diểu Quốc Bình	050052360770	Sacom bank	
40	Lê Văn Dược	285425050	GIA CÔNG 1	07/5/2021-07/5/2022	7021471033	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Lê Văn Dược	050118189288	Sacom bank	
41	Long Văn Tiến	285313763	GIA CÔNG 1	21/5/2021-21/5/2022	7012000805	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Long Văn Tiến	050025386636	Sacom bank	
42	Thị Thanh	285598404	GIA CÔNG 1	01/4/2021-01/4/2022	7021798108	16/7/2021-15/8/2021		Thị Thúy Phượng	26/10/2016	Diểu Phương	285453871	2.000.000	Thị Thanh	050126219145	Sacom bank	
43	Thị Thảo	285781578	GIA CÔNG 1	01/4/2021-01/4/2022	7022308921	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Thị Thảo	050126219161	Sacom bank	
44	Hoàng Văn Quý	034082021332	MẶT BÀN	không xác định thời hạn	7008000444	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Hoàng Văn Quý	050003584426	Sacom bank	
45	Đặng Thành Viên	285031125	MẶT BÀN	không xác định thời hạn	7010003969	16/7/2021-15/8/2021		Đặng Gia Huệ	17/4/2018	Phạm Thị Phượng	285031155	2.000.000	Đặng Thành Viên	050025384749	Sacom bank	
46	Lương Thị Hồng Chuyên	285338298	MẶT BÀN	không xác định thời hạn	7015017279	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Lương Thị Hồng Chuyên	050044855361	Sacom bank	
47	Nguyễn Thị Tuyến	285488373	MẶT BÀN	09/3/2020-09/3/2022	7016042225	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Tuyến	050072394221	Sacom bank	
48	Thị Hà	285237966	MẶT BÀN	09/8/2020-09/8/2021; 09/8/2021-09/8/2022	7022290024	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Thị Hà	050052360118	Sacom bank	
49	Thị Trang	285346116	MẶT BÀN	không xác định thời hạn	7015018342	16/7/2021-15/8/2021		Huỳnh Thị Quỳnh Trâm	03/12/2019	Huỳnh Đăng Khoa	285102407	2.000.000	Thị Trang	050053471959	Sacom bank	
50	Thị Riêng	285245644	MẶT BÀN	20/6/2020-20/6/2022	7021792822	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Thị Riêng	050106590483	Sacom bank	
51	Huỳnh Thị Phượng	250596531	MẶT BÀN	16/5/2021-16/5/2022	0205301956	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Huỳnh Thị Phượng	050118188631	Sacom bank	
52	Nguyễn Thị Mận	285438814	ÉP	không xác định thời hạn	9207003436	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Mận	050025385281	Sacom bank	
53	Nguyễn Thị Lan	285408585	ÉP	không xác định thời hạn	9207003437	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Lan	050025384951	Sacom bank	

54	Hoàng Thị Chiều	285880673	ÉP	không xác định thời hạn	7008000447	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Hoàng Thị Chiều	050025404952	Sacom bank	
55	Đặng Minh Quốc	046074000858	ÉP	không xác định thời hạn	7008007258	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Đặng Minh Quốc	050025387756	Sacom bank	
56	Hoàng Văn Phong	285353111	ÉP	không xác định thời hạn	7012000249	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Hoàng Văn Phong	050025387721	Sacom bank	
57	Đinh Quang Thắm	285057174	ÉP	không xác định thời hạn	7011014529	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Đinh Quang Thắm	050002480635	Sacom bank	
58	Đào Huy Tài	285219294	ÉP	không xác định thời hạn	7012000795	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Đào Huy Tài	050025384528	Sacom bank	
59	Mông Thị Khoa	080548119	ÉP	01/12/2020-01/12/2022	7016009735	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Mông Thị Khoa	050068958447	Sacom bank	
60	Trần Văn Việt	380894861	ÉP	12/4/2021-12/4/2022	9622112328	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Trần Văn Việt	050115177114	Sacom bank	
61	Nguyễn Thị Thảo	285777769	ÉP	06/9/2021-06/9/2022	7022063848	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Thảo	050121089561	Sacom bank	
62	Trần Văn Vủ	381190702	ÉP	02/4/2021-02/4/2022	9621889430	16/7/2021-15/8/2021						1.000.000	Trần Văn Vủ	050126219226	Sacom bank	
II	**CÔNG TY TNHH SHYANG YING Ngành nghề SXKD: May mặc**											**185.000.000**				
1	Đào Thị Kim Hương	285161996	Ts1	không xác định thời hạn	7012011749	16/7/2021-30/8/2021	X	Nguyễn Công Đức	29/4/2017	Nguyễn Công Long	285184702	3.000.000	Đào Thị Kim Hương	655100001 47991	BIDV Bình Phước	
2	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	285070855	Ts5	không xác định thời hạn	7010001914	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	655100000 39186	BIDV Bình Phước	
3	Đoàn Ngọc Ánh	285495830	Kiểm phẩm	không xác định thời hạn	7015010391	16/7/2021-30/8/2021	X	Vũ Ngọc Trà My	10/7/2020	Vũ Đức Tài	285354103	3.000.000	Đoàn Ngọc Ánh	655100001 63207	BIDV Bình Phước	trường hợp mang thai căn cứ giấy khai sinh của con sinh ngày 06/8/2021
4	Phạm Thị Bích Hạnh	285425933	Pmqa	không xác định thời hạn	7015011074	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Phạm Thị Bích Hạnh	655100001 75327	BIDV Bình Phước	

5	Thạch Thị Drê My	285615636	Ts3	không xác định thời hạn	7015011559	16/7/2021-30/8/2021		Điểu Thiên Bảo	15/7/2017	Điểu Hùng	285370257	2.000.000	Thạch Thị Drê My	655100001 80233	BIDV Bình Phước	
6	Nguyễn Thị Hoa	183615615	Ts3	không xác định thời hạn	7015000126	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Nguyễn Thị Hoa	655100001 81704	BIDV Bình Phước	trường hợp mang thai căn cứ giấy khai sinh của con sinh ngày 07/9/2021
7	Nguyễn Thị Lan Anh	060980503	Xưởng đ ế	không xác định thời hạn	7015016959	16/7/2021-30/8/2021	X	Đà Nhật Vượng	11/11/2016	Đà Văn Nhâm	025091001529	3.000.000	Nguyễn Thị Lan Anh	655100001 88255	BIDV Bình Phước	
8	Lê Thị Mỹ Sen	285195713	Sản xuất 2	không xác định thời hạn	7015017915	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Lê Thị Mỹ Sen	655100002 00928	BIDV Bình Phước	
9	Khưu Thị Tới	285145211	In sơn	không xác định thời hạn	7015018715	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Khưu Thị Tới	655100002 15320	BIDV Bình Phước	
10	Trần Thị Thanh Thúy	285824572	Ts5	không xác định thời hạn	7016006503	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Trần Thị Thanh Thúy	655100002 45309	BIDV Bình Phước	
11	Huỳnh Thị Bích Nhi	285584335	In sơn	không xác định thời hạn	7016006404	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Huỳnh Thị Bích Nhi	655100002 52576	BIDV Bình Phước	
12	Trương Thị Trang	285780716	Ts7	không xác định thời hạn	7016006459	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Trương Thị Trang	655100002 52859	BIDV Bình Phước	
13	Nguyễn Thị Mão	285666231	In sơn	không xác định thời hạn	7016007136	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Nguyễn Thị Mão	655100002 56879	BIDV Bình Phước	
14	Đinh Thị Hồng	285559891	Pmqa	không xác định thời hạn	7016010214	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Đinh Thị Hồng	655100003 12373	BIDV Bình Phước	
15	Bế Thị Nguyệt	250809066	Ts6	không xác định thời hạn	7016042160	16/7/2021-30/8/2021	X	Lục Thiên Khôi	14/5/2019	Lục Văn Nghiệp	250588050	3.000.000	Bế Thị Nguyệt	655100003 17068	BIDV Bình Phước	
16	Tô Huyền Trang	285212312	Pmqa	không xác định thời hạn	7012010451	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Tô Huyền Trang	655100003 16463	BIDV Bình Phước	
17	Thị Châu	285618297	Ts6	không xác định thời hạn	7016043835	16/7/2021-30/8/2021	X	Thị Huyền Trân	03/12/2017	Điểu Mít Sanh	285302170	3.000.000	Thị Châu	655100003 26967	BIDV Bình Phước	
18	Lê Thị Mỹ Hoàng	231037771	Sản xuất 2	không xác định thời hạn	7016043903	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Lê Thị Mỹ Hoàng	655100003 24402	BIDV Bình Phước	
19	Đinh Thị Hồng Thúy	285195712	In sơn	không xác định thời hạn	7016044596	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Đinh Thị Hồng Thúy	655100003 39196	BIDV Bình Phước	

20	Trần Thị Trinh	285602319	Ts4	không xác định thời hạn	7016046045	16/7/2021-30/8/2021	X	Trương Công Bảo	23/11/2019	Trương Công Vịnh	285303087	3.000.000	Trần Thị Trinh	655100003 50805	BIDV Bình Phước	trường hợp mang thai căn cứ giấy khai sinh của con sinh ngày 11/9/2021
21	Nguyễn Thị Loan	184133125	Phòng mẫu	không xác định thời hạn	7413289132	16/7/2021-30/8/2021	X	Doãn Minh Đức	03/4/2019	Doãn Văn Công	285537281	3.000.000	Nguyễn Thị Loan	655100003 60211	BIDV Bình Phước	
22	Nông Thị Lập	285717195	Ts6	không xác định thời hạn	7021866459	16/7/2021-30/8/2021	X	Dàm Thị Thanh Trúc	07/9/2016	Dàm Văn Thúy	285046529	3.000.000	Nông Thị Lập	655100003 72234	BIDV Bình Phước	
23	Phan Thị Như Ý	191913488	Kỹ thuật	không xác định thời hạn	4621246262	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Phan Thị Như Ý	655100003 35477	BIDV Bình Phước	
24	Phạm Thị Tuệ	285680283	Kiểm phẩm	không xác định thời hạn	7021966881	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Phạm Thị Tuệ	655100003 68862	BIDV Bình Phước	
25	Nguyễn Thị Thắm	285304014	Ts8	không xác định thời hạn	7012004528	16/7/2021-30/8/2021		Tô Nguyễn Đan Nhã	23/10/2019	Tô Minh Hoàng	285655156	2.000.000	Nguyễn Thị Thắm	655100004 02706	BIDV Bình Phước	
26	Trương Thị Thu Hương	285202469	Ts6	không xác định thời hạn	7914248164	16/7/2021-30/8/2021	X	Nguyễn Quỳnh Như	04/12/2018	Nguyễn Quang Khởi	285771552	3.000.000	Trương Thị Thu Hương	655100004 00995	BIDV Bình Phước	
27	Thị Lý Huỳnh	285603820	Ts7	không xác định thời hạn	7022267888	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Thị Lý Huỳnh	655100004 29778	BIDV Bình Phước	
28	Thị Mùi	285407051	Xưởng đ ế	không xác định thời hạn	7022267902	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Thị Mùi	655100004 31597	BIDV Bình Phước	
29	Nguyễn Thị Hằng	187871409	Ts7	không xác định thời hạn	4026134343	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Nguyễn Thị Hằng	655100004 51328	BIDV Bình Phước	
30	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	285745190	Ts4	không xác định thời hạn	7021127663	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	655100004 56305	BIDV Bình Phước	
31	Thị Liên	285250936	Ts5	không xác định thời hạn	7021469203	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Thị Liên	655100004 56280	BIDV Bình Phước	
32	Bùi Thị Hồng Nhung	285842255	Ts5	không xác định thời hạn	7021612563	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Bùi Thị Hồng Nhung	655100004 64405	BIDV Bình Phước	
33	Từ Mỹ Ngọc	094188000 042	Ts4	không xác định thời hạn	7016007398	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Từ Mỹ Ngọc	655100004 66173	BIDV Bình Phước	
34	Trần Thị Thùy Trang	285456583	Kỹ thuật	không xác định thời hạn	7015021431	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Trần Thị Thùy Trang	655100004 86117	BIDV Bình Phước	

35	Đinh Lưu Như Quỳnh	285441402	Ts9	không xác định thời hạn	7020980496	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Đinh Lưu Như Quỳnh	655100005 00105	BIDV Bình Phước	trường hợp mang thai căn cứ giấy khai sinh của con sinh ngày 31/8/2021
36	Phạm Thị Thủy	285574690	Xưởng đ ế	không xác định thời hạn	7022491912	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Phạm Thị Thủy	655100005 09856	BIDV Bình Phước	
37	Nông Thị Hoàng Huế	285715439	Ts1	không xác định thời hạn	7013014712	16/7/2021-30/8/2021	X	Hoàng Thị Thúy Hiền	19/01/2016	Hoàng Văn Hiệp	285264961	3.000.000	Nông Thị Hoàng Huế	655100005 10201	BIDV Bình Phước	
38	Vương Thị Tuyết	285495154	sản xuất 1	không xác định thời hạn	7016017459	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Vương Thị Tuyết	655100005 15589	BIDV Bình Phước	
39	Hỷ Thị Mỹ Lệ	285651470	Ts10	không xác định thời hạn	7021038069	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Hỷ Thị Mỹ Lệ	655100005 15321	BIDV Bình Phước	
40	Quách Thị Kim Loan	285786383	Kỹ thuật	31/8/2020-30/8/2021 chuyển không xác định thời hạn từ 31/8/2021	7021778209	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Quách Thị Kim Loan	655100005 37918	BIDV Bình Phước	
41	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	285226174	Kiểm phẩm	18/9/2020-17/9/2021	7015017609	16/7/2021-30/8/2021	X	Đỗ Thanh Bảo Ngọc	10/11/2016	Đỗ Thành Cương	285118244	3.000.000	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	655100005 54847	BIDV Bình Phước	
42	Thị Cử	285785483	Ts9	22/9/2020-21/9/2021	7021823293	16/7/2021-30/8/2021	X	Điểu Huynh	12/01/2018	Đơn Thân	ĐƠN THÂN	3.000.000	Thị Cử	655100005 45036	BIDV Bình Phước	
43	Trần Thị Vinh	285682242	In sơn	11/10/2020-10/10/2021	9206000645	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Trần Thị Vinh	655100005 57129	BIDV Bình Phước	
44	Thị Ngọc	285901139	Ts7	15/3/2021-14/3/2022	7021802981	16/7/2021-30/8/2021	X	Điểu Minh Nghĩa	22/6/2016	Điểu Nguyên	285784504	3.000.000	Thị Ngọc	655100005 87959	BIDV Bình Phước	trường hợp mang thai căn cứ giấy khai sinh của con sinh ngày 31/7/2021
45	Bùi Thị Thủy	285501230	Pmqa	25/4/2021-24/4/2022	7013014755	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Bùi Thị Thủy	655100001 83764	BIDV Bình Phước	
46	Thi Thanh	285881992	Phòng mẫu	26/03/2021-25/03/2022	7021762559	16/7/2021-30/8/2021	X	Nguyễn Thị Gia Hân	31/8/2019	Nguyễn Văn Thống	285771574	3.000.000	Thi Thanh	655100005 94764	BIDV Bình Phước	

47	Hoàng Thị Thúy Hồng	285505322	Ts9	29/03/2021-28/03/2022	7022243700	16/7/2021-30/8/2021	X	Lê Gia Hân	10/02/2018	Lê Đình Linh	173227426	3.000.000	Hoàng Thị Thúy Hồng	655100005 94384	BIDV Bình Phước	trường hợp mang thai căn cứ giấy khai sinh của con sinh ngày 07/8/2021
48	Lê Thị Hồng Trâm	241815461	Ts7	09/4/2021-08/4/2022	6623559871	16/7/2021-30/8/2021	X	Ngô Hoàng Gia Bảo	28/8/2017	Ngô Quang Nghĩa	241650364	3.000.000	Lê Thị Hồng Trâm	655100005 95998	BIDV Bình Phước	
49	Lăng Thị Kim	285267950	Ts6	12/4/2021-12/4/2022	2020901903	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Lăng Thị Kim	655100005 96894	BIDV Bình Phước	
50	Lăng Thị Năm	285754614	Xưởng đế	04/5/2021-03/5/2022	7021014235	16/7/2021-30/8/2021	X	Hoàng Ngọc Bích Hà	27/9/2019	Hoàng Văn Vượng	004098000432	3.000.000	Lăng Thị Năm	655100006 04380	BIDV Bình Phước	trường hợp mang thai căn cứ giấy khai sinh của con sinh ngày 31/7/2021
51	Sa Ly	285902079	Kiểm phẩm	04/5/2021-03/5/2022	9421412421	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Sa Ly	655100006 03925	BIDV Bình Phước	
52	Nguyễn Thị Ngọc Dung	285771907	Xưởng đế	09/7/2020-08/7/2021 09/7/2021-08/7/2022	7022230955	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Nguyễn Thị Ngọc Dung	655100003 99978	BIDV Bình Phước	trường hợp mang thai căn cứ giấy khai sinh của con sinh ngày 08/8/2021
53	Nguyễn Thị Mỹ	285558147	Ts7	11/7/2020-10/7/2021 11/7/2021-10/7/2022	7015020177	16/7/2021-30/8/2021	X	Nguyễn Ngọc Huyền Anh	17/01/2018	Nguyễn Minh Phúc	285326098	3.000.000	Nguyễn Thị Mỹ	655100006 18567	BIDV Bình Phước	
54	Lê Thanh Thủy	285692190	Ts3	20/7/2020-19/7/2021 20/7/2021-19/7/2022	7022235516	16/7/2021-30/8/2021	X	Nguyễn Lê Kim Ngọc	14/9/2018	Nguyễn Anh Vũ	285606862	3.000.000	Lê Thanh Thủy	655100006 24573	BIDV Bình Phước	
55	Phạm Kim Mỹ Dung	285119984	Ts3	20/7/2020-19/7/2021 20/7/2021-19/7/2022	7022029630	16/7/2021-30/8/2021	X	Nguyễn Phạm Tú Quyên	05/11/2016	Nguyễn Thanh Hải	285666770	3.000.000	Phạm Kim Mỹ Dung	655100003 81559	BIDV Bình Phước	
56	Thị Ngọc	285507047	Ts3	01/8/2020-31/7/2021 01/8/2021-31/7/2022	7021966794	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Thị Ngọc	655100006 45653	BIDV Bình Phước	

57	Diều Thị Đáp	285747167	Ts1	08/8/2020-07/8/2021 08/8/2021-07/8/2022	7021175932	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Diều Thị Đáp	655100006 29082	BIDV Bình Phước	
58	Phan Thị Tuyết Dung	285778940	Ts5	08/8/2020-07/8/2021 08/8/2021-07/8/2022	7021841533	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Phan Thị Tuyết Dung	655100006 27068	BIDV Bình Phước	
59	Thị Trinh	285694757	Ts10	16/8/2020-15/8/2021 16/8/2021-15/8/2022	7021411373	16/7/2021-30/8/2021	X	Thị Trâm Anh	23/10/2019	Diều Lượm	28562111 1	3.000.000	Thị Trinh	655100006 56433	BIDV Bình Phước	
60	Diều Thị Liên	285764656	Xưởng đ ế	24/8/2020-23/8/2021 24/8/2021-23/8/2022	7021670571	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Diều Thị Liên	655100006 30279	BIDV Bình Phước	
61	Lê Thị Ngọc Anh	245412716	Sản xuất 3	05/9/2020-04/9/2021	6720644721	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Lê Thị Ngọc Anh	655100006 33287	BIDV Bình Phước	
62	Nông Thị Trà	085007604	Ts11	05/9/2020-04/9/2021	7021455028	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Nông Thị Trà	655100006 33320	BIDV Bình Phước	
63	Lê Thị Kim Huệ	221439875	Xưởng đ ế	10/9/2020-09/9/2021	7021019466	16/7/2021-30/8/2021		Nguyễn Đăng Cao	25/6/2019	Nguyễn Văn Có	22133183 5	2.000.000	Lê Thị Kim Huệ	655100006 36143	BIDV Bình Phước	
64	Hứa Thị Mỹ Lê	285700933	Ts7	11/10/2020-10/10/2021	7016044645	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Hứa Thị Mỹ Lê	655100003 39558	BIDV Bình Phước	
65	Trần Thị Thùy Linh	285165085	Xưởng đ ế	11/10/2020-10/10/2021	7015029585	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Trần Thị Thùy Linh	655100002 31627	BIDV Bình Phước	
66	Đặng Thị Hồng Luyến	285450217	Tư tài	26/10/2020-25/10/2021	7022370910	16/7/2021-30/8/2021	X	Nguyễn Ngọc Cát Tường	24/5/2019	Nguyễn Nam Cường	28530123 6	3.000.000	Đặng Thị Hồng Luyến	655100006 67851	BIDV Bình Phước	
67	Nguyễn Thị Phương Thảo	285214326	Xưởng gia công mặt giày	29/10/2020-28/10/2021	7021262058	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Nguyễn Thị Phương Thảo	655100006 76200	BIDV Bình Phước	
68	Nguyễn Thị Huyền Trang	285782050	Ts11	01/11/2020-31/10/2021	7021791101	16/7/2021-30/8/2021	X	Nguyễn Bá Tú	09/02/2019	Nguyễn Bá Tuấn	28532619 6	3.000.000	Nguyễn Thị Huyền Trang	655100006 66894	BIDV Bình Phước	
69	Võ Ngọc Diệp	285301993	Xưởng đ ế	08/11/2020-07/11/2021	7016045196	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Võ Ngọc Diệp	655100003 46558	BIDV Bình Phước	

70	H Wen Byă	241638157	Ts11	16/11/2020-15/11/2021	6624354786	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	H Wen Byă	655100006 71199	BIDV Bình Phước	
71	Nguyễn Thị Xuân Hiếu	285495763	Sản xuất 2	16/11/2020-15/11/2021	7015021744	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Nguyễn Thị Xuân Hiếu	655100006 71287	BIDV Bình Phước	
72	Nguyễn Thị Thanh Hiền	285853761	Ts11	27/11/2020-26/11/2021	7021464979	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Nguyễn Thị Thanh Hiền	655100006 73007	BIDV Bình Phước	
73	Nguyễn Thị Diễm My	285881699	Ts1	13/12/2020-12/12/2021	7022207288	16/7/2021-30/8/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Diễm My	655100006 84577	BIDV Bình Phước	
74	Trần Thị Yến	285702430	Xưởng d ệ	13/12/2020-12/12/2021	7016009356	16/7/2021-30/8/2021	X	Trần Thiện An	23/7/2017	Đơn Thân	ĐƠN THÂN	3.000.000	Trần Thị Yến	655100002 87967	BIDV Bình Phước	
75	Hoàng Thị Dự	285754675	Ts12	29/12/2020-28/12/2021	7022108871	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Hoàng Thị Dự	655100006 88904	BIDV Bình Phước	
76	Nguyễn Thùy Dung	334601772	Ts12	29/12/2020-28/12/2021	8421776576	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Nguyễn Thùy Dung	655100006 88357	BIDV Bình Phước	
77	Thị Hồng	285500527	Ts7	03/01/2021-02/01/2022	7021453323	16/7/2021-30/8/2021	X	Thị Ze Mi	24/01/2017	Diều Ve	285370255	3.000.000	Thị Hồng	655100004 81954	BIDV Bình Phước	
78	Thị Hiền	285688276	Ts12	14/01/2021-13/01/2022	7016005561	16/7/2021-30/8/2021	X	Diều Ra Phan	26/4/2019	Diều Luật	285782318	3.000.000	Thị Hiền	655100006 95108	BIDV Bình Phước	trường hợp mang thai căn cứ giấy khai sinh của con sinh ngày 13/8/2021
79	Lê Thị Huyền Trang	285713682	Kiểm phẩm	21/01/2021-20/01/2022	7016046532	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Lê Thị Huyền Trang	655100003 73282	BIDV Bình Phước	
80	Trần Thị Quỳnh Yên	285212294	Ts5	08/4/2021-07/4/2022	7016042931	16/7/2021-30/8/2021	X					2.000.000	Trần Thị Quỳnh Yên	655100005 49232	BIDV Bình Phước	
Tổng cộng: 148 người. Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi triệu đồng./.												**270.000.000**				